

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

*V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con, chia tài sản chung, hợp
đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng.

2. Bà Trần Ngọc Anh

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân
huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang: Ông
Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.*

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân,
tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2019/TLST-HNGĐ,
ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung và tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim L (H), sinh năm 1990. Nơi cư trú: tổ
16, ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Quách
Thanh Phong – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Quách Phong - Đoàn luật sư
tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ 16, ấp
Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Thái Bình -

Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thái Bình – Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Trụ sở: số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam. Do ông Trần Minh Bình - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Minh Trung - Chức vụ - Phó Giám đốc. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh An Giang. Địa chỉ: Số 270 Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, Th phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Anh Hồ Tuấn H sinh năm 1973, chức vụ Phó Phụ trách Phòng khách hàng doanh nghiệp đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 1141/UQ-HĐQT-NHCC18 ngày 20/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh An Giang. địa chỉ 270 Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, Th phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3.2. Anh Nguyễn Văn Th sinh năm 1978, địa chỉ ấp tổ 16, ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.3. Chị Huỳnh Trọng Thúy U, sinh năm 1979, địa chỉ: số 35, Võ Văn T, ấp Tr 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, An Giang.

3.4. Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1968, bà Nguyễn Thị H sinh năm 1970. Cùng cư trú ấp Bình Th, xã Bình Ch, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

3.5. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị Thanh Th, sinh năm 1960. Cùng cư trú: tổ 16, ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, An Giang.

(Bà Th vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh L1 do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; mâu thuẫn về kinh tế gia đình, đã hòa giải nhưng không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019. Nay tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L1. Về con chung: có 02 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Trân, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Phạm Gia Bảo, sinh ngày 07/11/2014, hiện đang sống với mẹ. Chị Kim L yêu

cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có chung số tài sản gồm: Diện tích 531,9m² loại đất ở nông thôn, gắn liền là căn nhà 3A, diện tích 89,13m², diện tích sàn 188,76m² và tất cả đồ trang trí nội thất trong nhà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH000262 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 16/3/2012 do Phạm Thị Kim L và Nguyễn Văn L1 cùng đứng tên.

Đối với tài sản nội thất bao gồm: Một bộ bàn ghế loại gỗ bên; Một tủ thờ loại gỗ bên; Một bàn trang điểm loại gỗ bên; Một bộ lư đồng; Một tủ đựng tivi loại gỗ bên; Một tủ lạnh hiệu SanYo; Một máy giặt hiệu SanYo loại 9 kg; Một giàn âm ly và 02 ti vi không nhớ nhãn hiệu; Một giường loại gỗ bên; Một tủ nhựa loại bêca; Một máy nước lọc nhãn hiệu Kangugo; Một nệm KymDan và 01 nệm thường; Hai máy lạnh không nhớ nhãn hiệu; Một tủ chén và 02 bếp gas; Một tủ gỗ đựng giày dép; Hai văng gỗ; Một tủ thờ ông địa loại gỗ bên; Một két sắt; Một tủ cưới loại gỗ bên;

+ Một nhà kho.

+ 01 xe tải biển kiểm soát 67C – 036.56.

Khi ly hôn yêu cầu: Đối với căn nhà gắn liền với đất thì đã thế chấp cho Ngân hàng Viettin bank – chi nhánh Phú Tân nên không yêu cầu giải quyết, rút lại phần yêu cầu này, đối với tài sản nội thất thì được nhận hiện vật, hoàn trả giá trị lại cho L1, đối với chiếc xe tải thì yêu cầu được nhận giá trị.

Về nhà kho đã xây dựng trên phần diện tích của vợ chồng, xác định là của cha mẹ chồng, thống nhất giá 241.069.000đ như hội đồng định giá đã định, nếu thỏa thuận được thì giải quyết trong vụ án này, nếu không thống nhất đề nghị tách ra giải quyết sau.

Về nợ chung: Vào ngày 26/11/2019 vợ chồng có vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Phòng giao dịch Phú Tân số tiền vốn là 2.350.000.000đ và có thế chấp các tài sản như sau:

+ **Tài sản 1:** 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 362389, số vào sổ cấp giấy CH00262 do UBND huyện Phú Tân cấp ngày 16/03/2012. Đất ở tại nông thôn

tờ bản đồ số 7, thửa đất số 128, tại Xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Diện tích: 531,9m². Nhà cấp 3A; Diện tích: 89,13m². Do Ông Nguyễn Văn L1 và bà Phạm Thị Kim L đứng tên. Thông qua hợp đồng thế chấp số 126/2016-HĐTC/NHCT740 ngày 26/07/2016 được ký giữa Ông Nguyễn Văn L1 và bà Phạm Thị Kim L với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, được Văn phòng công chứng Phú Tân, huyện Phú Tân công chứng ngày 27/07/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/07/2016 tại Văn Phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Phú Tân.

+ **Tài sản 2:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS 788543, số vào sổ cấp giấy CH03238 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 24/04/2014. Đất trồng lúa tờ bản đồ số 3, thửa đất số 300, 301, 302, 660, 1118, tại Xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, An Giang. Diện tích: 14.544m². Do Ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H đứng tên. Thông qua hợp đồng thế chấp số 166/2014-HĐTC/NHCT740 ngày 27/08/2014 giữa Ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – phòng giao dịch Phú Tân, được Văn phòng công chứng Phú Tân, huyện Phú Tân công chứng ngày 27/08/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 166/2014-HĐTC-SĐBS01/NHCT740 ngày 14/05/2019 được ký giữa Ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, được Văn phòng công chứng Lục Văn Tiến, huyện Phú Tân công chứng ngày 14/05/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/08/2014 tại Văn Phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Châu Phú.

+ **Tài sản 03:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành AC 698715, số vào sổ cấp giấy H00225eF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 07/10/2005. Đất LUA tờ bản đồ số 03, thửa đất số 1139, tại ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, Châu Phú, An Giang. Diện tích: 5.250m² do Ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H đứng tên. Thông qua hợp đồng thế chấp số 062/2015-HĐTC/NHCT740 ngày 25/03/2015 được ký giữa Ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Phú Tân, được Văn phòng công chứng Phú Tân, huyện Phú Tân công chứng ngày 01/04/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/04/2015 tại Văn Phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Châu Phú.

+ **Tài sản 04:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành S493293, số vào sổ cấp giấy 01440QSDĐ/eF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 16/08/2001. Đất 2L tờ bản đồ số 03, thửa đất số 664, tại xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, An Giang. Diện tích 6.624m².

+ **Tài sản 05:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành L 660449, số vào sổ cấp giấy 00184QSDĐ/eF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 20/01/1998. Đất LM tờ bản đồ số 03, thửa đất số 1009, tại Xã Bình Chánh, Châu Phú, An Giang. Diện tích 4.320m².

+ **Tài sản 06:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành AC 698711, số vào sổ cấp giấy H00221eF do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 07/10/2005. Đất LUA tờ bản đồ số 03, thửa đất số 1737, tại Xã Bình Chánh, Châu Phú, An Giang. Diện tích 3.350m².

Do ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H đứng tên. Thông qua hợp đồng thế chấp số 081/2016-HĐTC/NHCT740 ngày 29/04/2016 được ký giữa Ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Phú Tân, được Văn phòng công chứng Thường Xuyên, huyện Châu Phú công chứng ngày 29/04/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/04/2016 tại Văn Phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Châu Phú.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình tìm hiểu và thời gian chung sống với nhau thống nhất như lời chị Kim L trình bày, quá trình hòa giải nhận thấy không còn khả năng hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Về con chung thống nhất giao con cho L không cấp dưỡng.

Về tài sản chung : thống nhất theo chứng thư thẩm định giá các loại tài sản nêu trên.

Về nợ chung: yêu cầu xác định phần tiền ngân hàng chỉ chịu trách nhiệm 800.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo số nợ trên, L phải chứng minh rõ tiền nhận về còn lại là 1.150.000.000đ thì mới đồng ý chịu L đối toàn bộ khoản vay, nếu không chứng minh được thì cha mẹ L phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay vốn gốc và lãi phát sinh của số tiền 1.150.000.000đ. Đối với tài sản nội thất thống nhất nhận giá trị, tôi sẽ giao lại cho L bằng hiện vật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang trình bày: Vào ngày 13/05/2019 chị Phạm Thị

Kim L có đến vay tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang số tiền 2.350.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 214/2019-HĐCVHM/NHCT740 ngày 13 tháng 05 năm 2019, cụ thể như sau: Số tiền vay: 2.350.000.000đ (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), ngày vay 26/11/2019, hạn trả 26/05/2020, mục đích vay mua bán nẹp. Để đảm bảo cho hợp đồng vay chị Phạm Thị Kim L và anh Nguyễn Văn L1 có ký hợp đồng thế chấp số 126/2016-HĐTC/NHCT740 ngày 26/07/2016 được ký giữa Ông Nguyễn Văn L1 và bà Phạm Thị Kim L với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Hợp đồng thế chấp số 166/2014-HĐTC/NHCT740 ngày 27/08/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 166/2014-HĐTC-SĐBS01/NHCT740 ngày 14/05/2019; Hợp đồng thế chấp số 062/2015-HĐTC/NHCT740 ngày 25/03/2015. Ngoài ra ông Phạm Văn Ph và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – phòng giao dịch Phú Tân, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho L và L1 theo hợp đồng thế chấp số 081/2016-HĐTC/NHCT740 ngày 29/04/2016. Nay yêu cầu chị L anh L1 có trách nhiệm cùng L đối trả khoản vay theo hợp đồng tín dụng hiện còn nợ vốn gốc là 2.350.000.000, lãi phát sinh tính đến ngày 21.01.2022 là 569.246.267 đ (lãi trong hạn 398.147.877, lãi quá hạn là 171.098.390đ) tổng cộng là 2.919.246.267đ. Nếu không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để trả toàn bộ khoản vay và lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Phạm Văn Ph, bà Nguyễn Thị H: chúng tôi thống nhất có lấy tài sản để bảo đảm khoản vay cho L và L1, chúng tôi đề nghị giải quyết tài sản của L và L1 trước, nếu không trả đủ tiền Ngân hàng thì đồng ý trả phần còn lại. Hiện tại, phần diện tích đất thế chấp do chúng tôi đang quản lý sử dụng, không cầm cố, chuyển nhượng cho ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Nguyễn Văn Th, bà Đặng Thị Thanh Th yêu cầu vợ chồng L - L1 trả số tiền mượn vợ chồng tôi xây nhà là 330.000.000đ, tôi đồng ý trừ qua chiếc xe tải 150.000.000đ, còn lại 180.000.000đ yêu cầu vợ chồng L – L1 trả, đối với cái kho khi vợ chồng L – L1 bán nhà thì trả lại theo định giá là 241.000.000đ. Tổng số tiền yêu cầu là 421.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan chị Huỳnh Trọng Thúy U trình bày: giữa vợ chồng tôi và vợ chồng L - L1 có hùn mua một chiếc xe tải, mỗi bên phân nửa, anh Thảo đứng tên, giá trị mua ban đầu là 700.000.000đ, hiện nay

theo định giá chỉ còn lại giá trị là 306.316.000đ, đồng ý trả lại phần hùn cho vợ chồng L, L1 theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th trình bày: hiện chiếc xe tải do tôi đang quản lý sử dụng, đồng ý hoàn giá trị phần hùn của L và L1, nhưng tôi không giao cho họ mà sẽ lấy số tiền đó trả cho mẹ tôi vì vợ chồng L - L1 còn thiếu nợ mẹ tôi, tôi sẽ tiếp tục quản lý chiếc xe đó, yêu cầu hòa giải xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp do mâu thuẫn trong kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai cũng có thời gian ly thân nên chị L xin ly hôn anh L1 đồng ý đề nghị hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của hai con mong muốn sống với mẹ. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nếu anh L1 thống nhất giao toàn bộ tài sản nhà và đất cho chị L đứng tên và nhà kho do cha mẹ chồng xây cất thì chị L đồng ý trả toàn bộ khoản nợ vay ngân hàng, trả số tiền 421.000.000đ theo yêu cầu của ông Th, bà Thủy, đối với tài sản nội thất trong đó có chiếc xe tải thống nhất giao lại cho anh L1.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về hôn nhân, con chung: thống nhất như yêu cầu của chị L, đối với tài sản và nợ chung phía bị đơn đồng ý với yêu cầu của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Kim L(Hiền) và ông Nguyễn Văn L1.

- Chị L đang nuôi dưỡng 02 con cuộc sống đã ổn định, nguyện vọng các con mong muốn được sống với chị L. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, các bên đã thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự rút yêu cầu tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Các bên chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phú Hưng huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nền chị L khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là bà Đặng Thị Thanh Thủy có yêu cầu vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 kết hôn với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn, ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu ly hôn anh L1 đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L1.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị L và anh L1 thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr – sinh ngày 12/01/2011 và Nguyễn Phạm Gia B – sinh ngày 07/11/2014, hiện đang sống với chị L, cả hai con đều có nguyện vọng sống chung với mẹ, anh L1 thống nhất giao hai con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Tại phiên tòa, chị L thống nhất rút lại yêu cầu không chia tài sản chung là diện tích đất gắn liền căn nhà và các tài sản nội thất. Anh L1 thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và các khoản nợ. Ông Th, bà Th, đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thống nhất thỏa thuận với chị L và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết

đồng ý rút đơn khởi kiện để thỏa thuận phương thức thanh toán nợ với chị L và anh L1.

[3].Án phí:

[3.1].Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị L, anh L1 phải chịu theo quy định pháp luật.

[4].Chi phí tố tụng: chi phí thực hiện thủ tục định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á là 7.000.000đ, chi phí thẩm định 3.500.000đ. Tổng chi phí là 10.500.000đ chị L tự nguyện chịu (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim L (H) và anh Nguyễn Văn L1.

2.Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Kim L được tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Phạm Gia B, sinh ngày 07/11/2014. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Kim L cùng các Th viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Kim L.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam yêu cầu anh Nguyễn Văn L1 và chị Phạm Thị Kim L trả tiền theo hợp đồng tín dụng hiện còn nợ vốn gốc là 2.350.000.000, lãi phát sinh tính đến ngày 21.01.2022 là 569.246.267đ. Tổng cộng là 2.919.246.267đ

Án phí HNST: Mỗi bên phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 75.000đ, chị L tự nguyện chịu được khấu trừ vào tiền tạm nộp áp phí 300.000đ theo biên lai thu số 0006102 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của cơ quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; được nhận lại 150.000đ.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị Kim L là 5.725.000đồng theo biên lai thu số 0006660 ngày 15 tháng 5 năm 2020, số tiền 3.750.000đ theo biên lai thu số 0006101 ngày 27 tháng 8 năm 2019. Tổng cộng chị Phạm Thị Kim L được nhận lại là: 5.725.000đồng + 3.750.000đ + 150.000đ = 9.625.000đ.

Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền 40.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006776 ngày 24/3/2020.

Chi phí tố tụng: tổng cộng 10.500.000đ chị L tự nguyện chịu (đã nộp xong)

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Lâm Bảo Ngọc